

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma  
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 14.5.2021

---

## TÂM KHÔNG

### Kinh Am Tranh (Kuṭikāsuttam)

#### CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM VƯỜN HOAN HỖ (S.i,8)

Chúng sanh sống thường tin hạnh phúc nằm ở những gì “là ta, là của ta, là tự ngã của ta”. Thật khó để cảm nhận hạnh phúc của cõi không theo cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Hai chữ đơn giản “có được” khiến người ta thấy ám áp, vui sướng. Chỉ có những bậc hoàn toàn giác ngộ giải thoát mới thật sự hiểu và sống với giác tri của “diệt khổ - nirodha”. Đó là hành trình của chính Đức Phật và tinh túy giáo pháp mà Ngài để lại cho đời.



#### Kinh Văn

(Vị Thiên):

**"Kacci te kuṭikā natthi,**  
Ngài không có am tranh,  
**kacci natthi kulāvakā.**  
Ngài không có tổ ấm,  
**Kacci santānakā natthi,**  
Ngài không có dây giăng,  
**kacci muttosi bandhanāti..**  
Ngài thoát khỏi hệ phược.

Bản hiệu đính:

Ngài có chăng tịnh am?  
Ngài có chăng tổ ấm?  
Ngài có chăng giây lan?  
Ngài có thoát buộc ràng?

(Thế Tôn):

**"Taggha me kuṭikā natthi,**  
Ta không có am tranh,  
**taggha natthi kulāvakā.**  
Ta không có tổ ấm,  
**Taggha santānakā natthi,**  
Ta không có dây giăng,  
**taggha muttomhi bandhanāti..**  
Ta thoát khỏi hệ phược.

Bản hiệu đính:

Ta không có tịnh am,  
Ta không có tổ ấm.  
Ta không có giây lan,  
Ta không có buộc ràng.

(Vị Thiên):

**"Kintāhaṃ kuṭikaṃ brūmi,**  
Con nói am là gì?  
**kiṃ te brūmi kulāvakaṃ.**  
Nói tổ ấm là gì?  
**Kiṃ te santānakaṃ brūmi,**  
Nói dây giăng là gì?  
**kintāhaṃ brūmi bandhananti..**  
Nói hệ phược là gì?

Bản hiệu đính:

Con nói am là chi?  
Nói tổ ấm là gì?  
Giây lan hiểu là sao?  
Trói buộc nghĩa thế nào?

(Vị Thiên):

**"Sāhu te kuṭikā natthi,**  
Lành thay, Ngài không am!  
**sāhu natthi kulāvakā.**  
Lành thay, không tổ ấm!  
**Sāhu santānakā natthi,**  
Lành thay, không dây giăng!  
**sāhu muttosi bandhanāti..**  
Lành thay, Ngài thoát phược!

Bản hiệu đính:

Lành thay Ngài không am,  
Lành thay không tổ ấm.  
Lành thay không dây nối,  
Lành thay thoát buộc rang.

(Thế Tôn):

**"Mātaraṃ kuṭikaṃ brūsi,**  
Ông nói am là mẹ,  
**bhariyaṃ brūsi kulāvakaṃ.**  
Nói tổ ấm là vợ,  
**Putte santānake brūsi,**  
Nói dây giăng là con,  
**taṇhaṃ me brūsi bandhananti..**  
Nói hệ phược là ái.

Bản hiệu đính:

Nói mẹ là tịnh am,  
Nói vợ là tổ ấm.  
Nói con là giây lan,  
Nói ái là cột trói.



**Thích văn**

*Mātar: mẹ*

*kuṭikā: am thất*

*kulāvaka: tổ ấm*

*bharyā: vợ*

*Putta: con, con trai*

*santānake: rế bàng, giây lan*

*taṇhā: khát ái*

*bandhana: trói cột, buộc ràng*

*sāhu: lành thay, thiện thay, tối đẹp thay (đồng nghĩa với sādhu)*



**Thích nghĩa**

*Theo Sớ giải thì kuṭika – am thất - chỉ cho mẹ vì là thai bào tái sanh. Tổ ấm chỉ cho vợ vì như loài chim ban ngày đi thức ăn tối lại tìm về tổ ấm. Chữ santānakā có nghĩa là giây lan hay “giây mơ rế má” chỉ cho sự nối dõi, thừa tiếp nên chỉ cho con. Ái là sự cột trói ràng buộc. Đức Phật trả lời như vậy vì Ngài đã đạt đến cảnh giới hoàn toàn giải thoát của nội tâm và cả trầm luân sanh tử.*

**Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu**  
**Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng**

**-ooOoo-**

## 9. Kuṭikāsuttam [Mūla]

19. "Kacci te kuṭikā natthi, kacci natthi kulāvakā.  
Kacci santānakā natthi, kacci muttosi bandhanāti..  
"Taggha me kuṭikā natthi, taggha natthi kulāvakā.  
Taggha santānakā natthi, taggha muttomhi bandhanāti..  
"Kintāhaṃ kuṭikaṃ brūmi, kiṃ te brūmi kulāvakaṃ.  
Kiṃ te santānakaṃ brūmi, kintāhaṃ brūmi bandhananti..  
"Mātaraṃ kuṭikaṃ brūsi, bhariyaṃ brūsi kulāvakaṃ.  
Putte santānake brūsi, taṇhaṃ me brūsi bandhananti..  
"Sāhu te kuṭikā natthi, sāhu natthi kulāvakā.  
Sāhu santānakā natthi, sāhu muttosi bandhanāti..

## 9. Kuṭikāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

19. Navame **kacci te kuṭikā**ti ayaṃ devatā dasa māse antovasanatṭhānaṭṭhena mātaraṃ kuṭikaṃ katvā, yathā sakuṇā divasaṃ gocarapasutā rattim kulāvakaṃ allīyanti, evamevaṃ sattā tattha tattha gantvāpi mātugāmassa santikaṃ āgacchanti, ālayavasena bhariyaṃ kulāvakaṃ katvā. Kulapaveṇim santānakaṭṭhena putte santānake katvā, taṇhaṃ bandhanaṃ katvā, gāthābandhanena ime pañhe samodhānetvā bhagavantam pucchi, bhagavāpissā vissajjento **tagghā**tiādīmāha. Tattha **tagghā**ti ekamsavacane nipāto. **Natthī**ti pahāya pabbajitattā vaṭṭasmim vā puna mātukucchivāsassa dārabharaṇassa puttanibbattiyā vā abhāvato natthi.

Devatā “mayā sannāhaṃ bandhitvā gulhā pañhā pucchitā, ayañca samaṇo pucchitamatteyeva vissajjesi, jānaṃ nu kho me ajjhāsayaṃ kathesi, udāhu ajānaṃ yaṃ vā taṃ vā mukhāruḷhaṃ kathesi”ti cintetvā puna **kintāhanti**ādīmāha. Tattha **kintāhanti** kiṃ te ahaṃ. Athassā bhagavā ācikkhanto **mātaranti**ādīmāha. **Sāhu teti** gāthāya anumoditvā sampahaṃsitvā bhagavantam vanditvā gandhamālādīhi pūjetvā attano devatṭhānameva gatāti.

Kuṭikāsuttavaṇṇanā niṭṭhitā.